



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01701

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm	: FISH SOLUBLE (Dịch cá)
Số lượng/ khối lượng	: 10 Flexibags/ 226.120 kg
Hãng, nước sản xuất	: Mauritania Fish Meal Sarl, Mauritania.
Thuộc lô hàng nhập khẩu	
Hợp đồng số	: FSP-241202HC ngày 02/12/2024
Hóa đơn số	: JY241202HC ngày 02/12/2024
Vận đơn số	: GMU0118850
Ngày sản xuất	: 25/12/2024-05/01/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng	: Số 2437/HQ-GDK-TTKN ngày 14/4/2025 (Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250034334)
Đơn vị được cấp	: CÔNG TY TNHH HÀNG CƠ VĨ NGHIỆP VIỆT NAM Địa chỉ: Số 67, Đường S2, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Phương thức đánh giá	: Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	: QCVN 01-190:2020/BNNPTNT, Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày	: Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quyết định chứng nhận
Số: 247 /QĐ-TTKN-CNKN
Ngày 23 tháng 4 năm 2025



Lê Văn Yến





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01702

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm	: Bột gan mực nhão (Squid Liver Paste)
Số lượng/ khối lượng	: 460 phuy/ 103.500 kg
Hãng, nước sản xuất	: Dalian Longhai Feedstuff Co., Ltd, China.
Thuộc lô hàng nhập khẩu	
Hợp đồng số	: LP-250318HC ngày 18/3/2025
Hóa đơn số	: JY250318HC ngày 18/3/2025
Vận đơn số	: YMJAI245324806
Ngày sản xuất	: 18/3/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng	: Số 2269/HQ-GDK-TTKN ngày 08/4/2025 (Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250034159)
Đơn vị được cấp	: CÔNG TY TNHH HÀNG CƠ VĨ NGHIỆP VIỆT NAM Địa chỉ: Số 67, Đường S2, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Phương thức đánh giá	: Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	: QCVN 01-190:2020/BNNPTNT, Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày	: Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 247 /QĐ-TTKN-CNKN
Ngày 23 tháng 4 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Yến





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3977/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 10972504597

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 17/04/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 17/04/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0425184/HQV2	Asen (As) tổng số	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,55	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 21/04/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

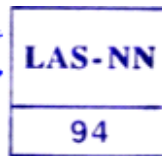
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3976/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 10972504596

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 17/04/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 17/04/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0425183/HQV2	Asen (As) tổng số	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,50	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 21/04/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.